

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN YÊN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST

Ngày 20/5/2019

V/v "tranh chấp Hôn nhân và gia đình".

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

**- T *phần Hội đồng xét xử sơ thẩm* gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Thế Đăng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Giáp Hồng Thanh

2. Ông Nguyễn Quốc Sửu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Sự - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, Bắc Giang.

**- Đại diện VKSND huyện Tân Yên, Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2019/TLST- HNGĐ ngày 20/3/2019 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1986 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT: thôn N, xã S, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: thôn C, xã NT, huyện Tân Yên, Bắc Giang

- Bị đơn: Anh Tạ Quang H, sinh năm 1986 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn N, xã S, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Vũ Thị T trình bày:

- Chị kết hôn với anh Tạ Quang H ngày 04/3/2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống bình thường. Sau đó, vợ chồng không hợp nhau, cãi nhau, nên dẫn đến tình cảm vợ chồng dần nứt. Chị đã về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 7/2018, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân, gia đình chồng có gọi về đoàn

tự nhưng chị không về. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn anh Tạ Quang H.

- Về con chung: vợ chồng chị có 2 con chung là cháu Tạ Văn Hi, sinh ngày 28/12/2008 và cháu Tạ Văn Hu, sinh ngày 14/6/2013. Hiện cháu Hi đang ở với anh H, còn cháu Hu đang ở với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu Hu, còn anh H nuôi cháu Hi.

- Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa: chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

\* Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo, bị đơn là anh Tạ Quang H trình bày:

- Anh kết hôn với chị Vũ Thị T ngày 04/3/2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được 11 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T đi làm về chệch hoàn cảnh nhà chồng nên dẫn đến tình cảm vợ chồng dần nứt. Anh chị sống ly thân từ tháng 7/2018 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh có gọi chị T về đoàn tụ nhưng chị chỉ quay lại 03 – 04 ngày rồi lại về nhà để sinh sống. Nay, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: anh và chị T có 2 con chung là cháu Tạ Văn Hi, sinh ngày 28/12/2008 và cháu Tạ Văn Hu sinh ngày 14/6/2013. Hiện cháu Hi đang ở với anh, còn cháu Hu đang ở với chị T. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, anh H giữ nguyên ý kiến.

\* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh H. Giao cháu Hu cho chị T nuôi dưỡng, giao cháu Hi cho anh H nuôi dưỡng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Vũ Thị T với bị đơn là anh Tạ Quang H cư trú tại thôn N, xã S, huyện Tân Yên là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đối với yêu cầu ly hôn của chị Vũ Thị T:

Chị T và anh H tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị đã có thời gian chung sống hòa thuận rồi phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm sống và trong việc làm ăn kinh tế. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 7/2018 cho đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Nay cả chị T và anh H đều xác định không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn. Do vậy, HĐXX công nhận thuận tình ly hôn của chị Vũ Thị T và anh Tạ Quang H là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh H có 2 con chung là cháu Tạ Văn Hi, sinh ngày 28/12/2008 và cháu Tạ Văn Hu, sinh ngày 14/6/2013. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Hu, còn anh H yêu cầu được nuôi cả hai cháu. Anh chị đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3.1. Xét về điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung thì anh chị đều có việc làm và thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con. Hiện nay cháu Hu đang ở với chị T, cháu Hi đang ở với anh H và có nguyện vọng tiếp tục ở với bố, các cháu đều học tập phát triển bình thường nên HĐXX giao cháu Hi cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Hu cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là đảm bảo sự ổn định đời sống, học tập của các cháu.

3.2. Đối với yêu cầu được nuôi hai cháu của anh H, HĐXX thấy: anh H ngoài làm nông nghiệp ra anh còn làm thêm thợ xây, đồ bê tông có thu nhập nhưng gia đình vẫn thuộc diện hộ nghèo. Việc giao hai cháu cho anh nuôi sẽ là gánh nặng cho anh và không đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng hai cháu. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX không chấp nhận yêu cầu nuôi cả hai con chung của anh H mà giao cháu Hi cho anh nuôi, giao cháu Hu cho chị T nuôi như đã nhận định ở trên là phù hợp với khả năng nuôi dưỡng con chung của anh chị, phù hợp với nguyện vọng, nhu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng của hai cháu.

3.3. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: chị T và anh H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị T và anh H không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: chị T và anh H thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 55; khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị T và anh Tạ Quang H.

2. Về con chung: giao cháu Tạ Văn Hi, sinh ngày 28/12/2008 cho anh Tạ Quang H tiếp tục nuôi dưỡng. Giao cháu Tạ Văn Hu, sinh ngày 14/6/2013 cho chị Vũ Thị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh H và chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh H, chị T thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Vũ Thị T và anh Tạ Quang H.

Trả lại chị Vũ Thị T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0002394 ngày 20/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

5. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS Tân Yên;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thế Đăng**



**T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thế Đăng**

## Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Tân Yên

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Đăng

Ông Giáp H Thanh

HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa:

*Địa chỉ: thôn Trai Tón, xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.*

*Địa chỉ: thôn Trại Tón, xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang*

*tung tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,  
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

## 1. Về áp dụng pháp luật:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thu Hà được ly hôn anh Vũ Văn Khoản.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về con chung: chi Hà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Kết quả biểu quyết: 3/3

4. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị Hà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Kết quả biểu quyết: 3/3

5. Án phí: chị Nguyễn Thị Thu Hà phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tam ứng án phí dân sự đã nộp là

300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0002292 ngày 02/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị Nguyễn Thị Thu Hà đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3

6. Quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi       giờ       phút, ngày 28 tháng 3 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả T viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thế Đăng**